

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH NINH BÌNH

Số: 99/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

N, ngày 11 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Phan Đình T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn N, xã V2, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị D và anh Phan Đình T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bùi Thị D trực tiếp nuôi con chung hiện nay đang ở với chị D và anh T là cháu Phan Bùi Diễm M, sinh ngày 07/11/2006 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung:

Về nhà đất chung: Không có; riêng ngôi nhà mà trước đây vợ chồng anh T, chị D thường xuyên sinh sống là của bố mẹ chị D, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố chị D là ông Bùi Ngọc K;

Các tài sản khác: Hai bên đã tự chia nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

2.3 Công nợ chung: Không có nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D nhận nộp cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng, chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2013/0000849 ngày 26/6/2018 tại Thi hành án dân sự huyện N nay hoàn lại cho chị D 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã V2;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY